ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2690/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 26 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2013 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg ngày 05/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng;

Căn cứ Thông tư số 24/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chuyển đổi rừng phòng hộ, rừng đặc dụng được quy hoạch sang rừng sản xuất và ngược lại từ rừng sản xuất được quy hoạch thành rừng phòng hộ, đặc dụng sau rà soát qui hoạch lại 3 loại rừng theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 05/01/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 165/TTr-SNN ngày 26/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2013 - 2020; như sau:

1. Mục tiêu:

- Xác định lại cơ cấu đất lâm nghiệp, đất ngoài lâm nghiệp phù hợp với tình hình thực tế, tạo sự ổn định trong phát triển sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp; làm cơ sở để xây dựng và thực hiện các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chặt chẽ, bền vững.

- Thực hiện đảm bảo những mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2020, quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hiện trạng qui hoạch 3 loại rừng tại thành phố Bảo Lộc:

Tổng diện tích tự nhiên: 23.256 ha;

Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 2.110 ha, chiếm 9,7%; trong đó: rừng phòng hộ 1.114 ha; rừng sản xuất 996 ha.

3. Nội dung quy hoạch điều chỉnh:

Tổng diện tích tự nhiên: 23.256 ha.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 2.334 ha, chiếm 10,04%; trong đó: rừng phòng hộ 1.096 ha; rừng sản xuất 1.238 ha.

a) Điều chỉnh từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất:

- Diện tích: 58 ha, bao gồm: những diện tích rừng non, rừng phục hồi trữ lượng thấp không đảm bảo mức độ phòng hộ và liền kề với diện tích rừng sản xuất.

- Vị trí: tại tiểu khu 475.

b) Điều chỉnh từ diện tích sản xuất nông nghiệp sang rừng phòng hộ:

- Diện tích: 102 ha, bao gồm: những diện tích đất trống, đất sản xuất nông nghiệp (tại các khu vực đầu đèo Bảo Lộc, núi Nom S'pung thuộc khu vực cảnh quan của thành phố Bảo Lộc) để trồng lại rừng.

- Vị trí: tại 02 tiểu khu 476 (92 ha), 477 (10 ha);

c) Điều chỉnh từ diện tích đất phù hợp với mục đích sản xuất lâm nghiệp chuyển sang rừng sản xuất:

- Diện tích: 281 ha, bao gồm: những diện tích trồng nguyên liệu giấy, diện tích đất giao cho các đối tượng khác, diện tích đất rừng sản xuất trước đây quy hoạch chăn nuôi bò sữa nhưng không thực hiện.

- Vị trí: tại 03 tiểu khu 474 (212 ha), 475 (69 ha), 485 (318 ha).

d) Điều chỉnh từ diện tích đất rừng phòng hộ sang đất quy hoạch ngoài 3 loại rừng:

- Diện tích: 62 ha, bao gồm: những diện tích canh tác cây cà phê ổn định lâu năm, liền kề với vùng đất sản xuất nông nghiệp.

- Vị trí: tại 02 tiểu khu 478 (12 ha), 485 (50 ha).

đ) Điều chỉnh từ diện tích đất rừng sản xuất, diện tích người dân đã sản xuất nông nghiệp ổn định sang đất quy hoạch ngoài 3 loại rừng:

- Diện tích: 285 ha, bao gồm: những diện tích sản xuất nông nghiệp ổn định lâu năm, liền kề với vùng đất sản xuất nông nghiệp, diện tích đất rừng sản xuất quy hoạch chăn nuôi bò sữa nhưng không thực hiện.

- Vị trí: tại 03 tiểu khu 474 (78 ha), 472B (111 ha), 485 (96 ha).

e) Điều chỉnh từ đất ngoài 3 loại rừng sang đất rừng sản xuất:

- Diện tích: 55 ha, bao gồm những diện tích rừng trồng keo, thông 3 lá và một số diện tích rẫy trồng cà phê xen kẽ.

- Vị trí: tại 3 tiểu khu 457 (08 ha), 466A (15 ha), 472B (32 ha).

(chi tiết theo Phụ lục và hồ sơ, bản đồ tỷ lệ 1/50.000 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bảo Lộc, đơn vị chủ rừng và các đơn vị có liên quan:

a) Xác định cụ thể ranh giới đất quy hoạch 3 loại rừng và ngoài quy hoạch ngoài 3 loại rừng trên thực địa; bàn giao kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng cho từng xã và đơn vị chủ rừng;

b) Tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước về đầu tư xây dựng quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại rừng hợp lý trên từng địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

c) Hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị chủ rừng trong quá trình thực hiện nội dung điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo quy định.

2. Trách nhiệm của UBND thành phố Bảo Lộc:

a) Căn cứ kết quả điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng để xây dựng kế hoạch sử dụng đất theo từng thời kỳ và từng năm đối với diện tích đất, rừng quy hoạch ngoài 3 loại rừng, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở lập hồ sơ thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát các đơn vị chủ rừng, chính quyền cấp xã thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với UBND thành phố Bảo Lộc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện nội dung điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo quy định.

4. Trách nhiệm của các đơn vị chủ rừng: Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

a) Xác định cụ thể ranh giới đất quy hoạch 3 loại rừng và quy hoạch ngoài 3 loại rừng trên thực địa.

b) Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đối với diện tích quy hoạch 3 loại rừng.

c) Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với diện tích đất có rừng quy hoạch ngoài 3 loại rừng; đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện nội dung nêu tại điểm a, Khoản 2, Điều 2 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế phần phụ biểu quy hoạch cơ cấu 3 loại rừng của thành phố Bảo Lộc (kèm theo Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 19/02/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng).

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương; Chủ tịch UBND thành phố Bảo Lộc; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến

Nơi nhận:
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP và CV;
- Lưu: VT, LN.

Phụ lục: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG TP.BẢO LỘC

(theo tiểu khu và đơn vị hành chính)

(Đính kèm Quyết định số 2690 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

TT	Xã, phường	Tiểu khu	Tổng DT tự nhiên (ha)	QUY HOẠCH CƠ CẤU 3 LOẠI RỪNG (ha)					DT ngoài 3 loại rừng
				Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ		Sản xuất	
						Rất xung yếu	Xung yếu		
I	**Lộc Châu**	472b	1,721	129				129	1,592
2		478	1,908	129			129		1,779
	Cộng		***3,629***	***258***			***129***	***129***	***3,371***
II	**Đại Lào**	474	734	581				581	153
2		475	1,106	127				127	979
3		476	730	283			283		447
4		477	991	294			294		697
5		484	1,013	166			166		847
6		485	1,105	261			224	37	844
7		486a	247	149				149	98
	Cộng		**5,926**	**1,861**			**967**	**894**	**4,065**
III	**ĐamB'ri**	457	1,603	200				200	1,403
2		466a	687	15				15	672
		Ngoài TK	992						992
	Cộng		**3,282**	**215**				**215**	**3,067**
IV	**Lộc Nga**	Ngoài TK	1,603						1,603
	Cộng		***1,603***						***1,603***
V	**phường Lộc Sơn**	Ngoài TK	1,237						1,237
	Cộng		***1,237***						***1,237***
VI	**phường Lộc Thanh**	Ngoài TK	2,081						2,081
	Cộng		***2,081***						***2,081***
VII	**phường 1**	Ngoài TK	431						431
	Cộng		***431***						***431***
VIII	**phường 2**	Ngoài TK	662						662
	Cộng		***662***						***662***
IX	**phường B'Lao**	Ngoài TK	531						531
	Cộng		***531***						***531***
X	**phường Lộc Phát**	Ngoài TK	2,573						2,573
	Cộng		***2,573***						***2,573***
XI	**phường Lộc Tiến**	Ngoài TK	1,301						1,301
	Cộng		***1,301***						***1,301***
	TỔNG CỘNG		**23,256**	**2,334**	**0**	**0**	**1,096**	**1,238**	**20,922**